

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 03 tháng 7 năm 2015
và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 28
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 03 tháng 7 năm 2015 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ là doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ, hiện nay Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800271113 ngày 03 tháng 7 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **54.249.000.000 đồng**.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy tu cảnh quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Xây lắp, duy tu và sửa chữa các công trình;
- Dịch vụ đô thị.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 03 tháng 7 năm 2015 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 28).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lưu Việt Chiến	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Phong	Thành viên
Ông Lê Thanh Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Phúc Như	Thành viên
Ông Võ Văn Đước	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Thanh Phong	Giám đốc
Ông Nguyễn Thạch Em	Phó Giám đốc
Ông Lê Thanh Hiếu	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 03 tháng 7 năm 2015 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 03 tháng 7 năm 2015 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 03 năm 2016

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Trần Thanh Phong

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ, được lập ngày 29 tháng 03 năm 2016, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 03 tháng 7 năm 2015 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi cũng xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.12 về việc chưa góp đủ vốn điều lệ của Công ty, cụ thể số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 54.249.000.000 đồng, số vốn thực góp đến thời điểm hiện tại là 53.443.451.436 đồng, còn thiếu 805.548.564 đồng. Nguyên nhân do đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa thực hiện xong quyết toán Cổ phần hóa với cơ quan có thẩm quyền.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2016

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên

Trần Thị Mai

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2510-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	03/7/2015
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		58.079.937.973	44.895.632.508
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	34.514.306.428	28.167.045.021
1.	Tiền	111		16.514.306.428	14.067.045.021
2.	Các khoản tương đương tiền	112		18.000.000.000	14.100.000.000
II.	Đầu tư tài chính	120	V.02	8.100.000.000	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8.100.000.000	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.218.342.826	16.457.324.806
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	14.263.572.247	14.707.745.726
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		509.892.000	40.000.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	886.385.972	1.709.579.080
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(441.507.393)	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	123.209.425	112.674.186
1.	Hàng tồn kho	141		123.209.425	112.674.186
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		124.079.294	158.588.495
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.09	124.079.294	158.588.495
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	03/7/2015
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.034.872.103	28.801.990.499
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210			
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		22.504.370.440	25.491.599.872
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	22.504.370.440	25.491.599.872
	- Nguyên giá	222		53.984.940.950	53.984.940.950
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(31.480.570.510)	(28.493.341.078)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230			
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240			
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		2.530.501.663	3.310.390.627
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	2.530.501.663	3.310.390.627
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		83.114.810.076	73.697.623.007

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

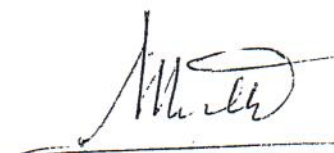
STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	03/7/2015
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		27.598.579.969	20.254.171.571
I.	Nợ ngắn hạn	310		27.208.579.969	20.254.171.571
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	5.628.133.449	5.121.556.147
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		203.300.000	2.107.499.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	2.761.997.629	1.176.771.503
4.	Phải trả người lao động	314		8.181.318.610	1.735.064.966
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	4.022.391.150	273.833.849
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	6.112.641.855	9.255.898.830
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		298.797.276	583.547.276
II.	Nợ dài hạn	330		390.000.000	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		390.000.000	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.12	55.516.230.107	53.443.451.436
I.	Vốn chủ sở hữu	410		55.516.230.107	53.443.451.436
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		53.443.451.436	53.443.451.436
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		53.443.451.436	53.443.451.436
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		157.887.934	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.914.890.737	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.914.890.737	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		83.114.810.076	73.697.623.007

Người lập biểu



Lê Thanh Hiếu

Kế toán trưởng



Lê Thanh Hiếu

Cần Thơ, ngày 29 tháng 3 năm 2016

Giám đốc



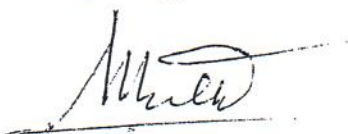

Trần Thanh Phong

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ ngày 03/7/2015 đến ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

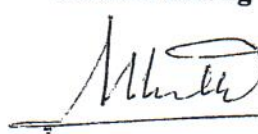
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 03/07/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 02/07/2015
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	55.509.239.978	43.800.539.233
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		55.509.239.978	43.800.539.233
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	44.887.625.775	35.349.235.711
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.621.614.203	8.451.303.522
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	374.121.113	271.555.411
7.	Chi phí tài chính	22		-	-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.06	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	7.019.855.396	7.329.977.926
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.975.879.920	1.392.881.007
11.	Thu nhập khác	31	VI.04	282.262.743	79.712.757
12.	Chi phí khác	32	VI.05	163.592.606	211.794.630
13.	Lợi nhuận khác	40		118.670.137	(132.081.873)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.094.550.057	1.260.799.134
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	936.791.386	317.214.146
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.157.758.671	943.584.988
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	591	
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	591	

Người lập biểu



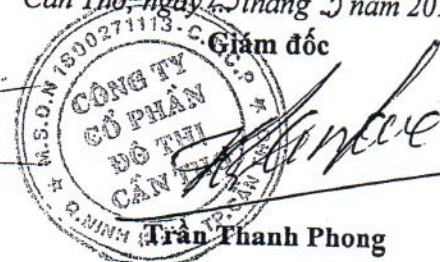
Lê Thanh Hiếu

Kế toán trưởng



Lê Thanh Hiếu

Cần Thơ, ngày 29 tháng 3 năm 2016



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
Từ ngày 03/7/2015 đến ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 03/07/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 02/07/2015
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		58.119.127.815	44.536.460.306
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(25.432.604.427)	(24.180.103.809)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.505.174.622)	(11.145.158.180)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(404.948.114)	(486.815.178)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		256.318.147	3.460.500.973
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(959.578.505)	(10.967.738.685)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.073.140.294	1.217.145.427
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	(595.657.555)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	13.454.545
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.100.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		374.121.113	271.555.411
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.725.878.887)	(310.647.599)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 03/07/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2015 đến 02/07/2015
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.347.261.407	906.497.828
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		28.167.045.021	27.260.547.193
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		34.514.306.428	28.167.045.021

Người lập biểu



Lê Thanh Hiếu

Kế toán trưởng



Lê Thanh Hiếu

Cần Thơ, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Giám đốc



Trần Thanh Phong

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Từ ngày 03/7/2015 đến ngày 31/12/2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy tu cảnh quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Xây lắp, duy tu và sửa chữa các công trình;
- Dịch vụ đô thị.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Năm tài chính từ ngày 03 tháng 7 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 03 tháng 7 năm 2015 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần bắt đầu từ ngày 03 tháng 07 năm 2015 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 13 năm
- Máy móc, thiết bị	02 – 03 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	01 – 06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*****Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ bán trong năm.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Đơn vị tính: VND***01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	03/7/2015
- Tiền mặt	506.212.091	327.218.210
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.008.094.337	13.739.826.811
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền (*)	18.000.000.000	14.100.000.000
Cộng	34.514.306.428	28.167.045.021

(): Trong đó:*

Tại ngày 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng có giá trị 18.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ và ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ với lãi suất 4,5 %/năm.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		03/7/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	8.100.000.000	8.100.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	8.100.000.000	8.100.000.000	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
Cộng	8.100.000.000	8.100.000.000	-	-

03. Phải thu của khách hàng

	31/12/2015	03/7/2015
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	14.263.572.247	14.707.745.726
- Phòng Quản lý Đô thị quận Ninh Kiều	1.363.633.000	5.449.948.000
- Phòng Quản lý Đô thị quận Bình Thủy	5.823.186.000	1.412.323.000
- Phòng Quản lý Đô thị quận Cái Răng	5.360.481.574	5.245.123.562
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	1.716.271.673	2.600.351.164
<i>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</i>	-	-
Cộng	14.263.572.247	14.707.745.726

04. Phải thu khác

	31/12/2015		03/7/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>	886.385.972	-	1.709.579.080	-
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-	343.911.600	-
- Tạm ứng	764.529.546	-	822.437.600	-
- Phải thu khác	121.856.426	-	543.229.880	-
<i>b) Dài hạn</i>	-	-	-	-
Cộng	886.385.972	-	1.709.579.080	-

05. Hàng tồn kho

	31/12/2015		03/7/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	123.209.425	-	112.674.186	-
Cộng	123.209.425	-	112.674.186	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ THỊ CẦN THƠSố 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ, quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	3.990.401.774	1.983.406.696	47.961.422.480	49.710.000	53.984.940.950
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3.990.401.774	1.983.406.696	47.961.422.480	49.710.000	53.984.940.950
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.216.218.545	1.420.392.969	24.834.083.896	22.645.668	28.493.341.078
- Khấu hao trong năm	81.313.938	118.932.204	2.783.116.956	3.866.334	2.987.229.432
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.297.532.483	1.539.325.173	27.617.200.852	26.512.002	31.480.570.510
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	1.774.183.229	563.013.727	23.127.338.584	27.064.332	25.491.599.872
2. Tại ngày cuối năm	1.692.869.291	444.081.523	20.344.221.628	23.197.998	22.504.370.440

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí trả trước

	31/12/2015	03/7/2015
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	2.530.501.663	3.310.390.627
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	507.522.742	882.815.920
- Lợi thế kinh doanh	2.022.978.921	2.427.574.707
Cộng	2.530.501.663	3.310.390.627

08. Phải trả người bán

	31/12/2015		03/7/2015	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
a) Phải trả người bán ngắn hạn	5.628.133.449	5.628.133.449	5.121.556.147	5.121.556.147
- Công ty TNHH Dịch Vụ Tổng Hợp 99	354.914.614	354.914.614	515.468.440	515.468.440
- Công ty TNHH MTV XD S.T.S Tây Nam Bộ	455.778.741	455.778.741	1.219.945.460	1.219.945.460
- Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Tín	1.624.332.000	1.624.332.000	-	-
- Công ty Cổ phần CCQ	383.850.000	383.850.000	-	-
- Doanh nghiệp Tư nhân Duy Thanh	287.850.585	287.850.585	356.684.052	356.684.052
- Tổng Công ty Cơ Khí GTVT Sài Gòn -TNHH MTV	102.000.000	102.000.000	352.000.000	352.000.000
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Mùa Xuân	353.308.652	353.308.652	353.308.652	353.308.652
- Phải trả các đối tượng khác	2.066.098.857	2.066.098.857	2.324.149.543	2.324.149.543
b) Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	5.628.133.449	5.628.133.449	5.121.556.147	5.121.556.147



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
09. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	745.803.650	4.742.870.362	3.577.548.130	-	1.911.125.882
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	319.028.475	936.791.386	404.948.114	-	850.871.747
- Thuế thu nhập cá nhân	158.588.495	-	34.509.201	-	124.079.294	-
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	111.939.378	109.093.600	221.032.978	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	158.588.495	1.176.771.503	5.823.264.549	4.203.529.222	124.079.294	2.761.997.629

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2015</u>	<u>03/7/2015</u>
a) Ngắn hạn	4.022.391.150	273.833.849
- Chi phí tiền ăn ca	197.309.678	190.391.758
- Chi phí xử lý rác thải	3.331.013.290	-
- Chi phí tư vấn giám sát	362.068.182	-
- Các khoản trích trước khác	132.000.000	83.442.091
b) Dài hạn	-	-
Cộng	4.022.391.150	273.833.849

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/2015</u>	<u>03/7/2015</u>
a) Ngắn hạn	6.112.641.855	9.255.898.830
- Kinh phí công đoàn	22.470.310	26.222.509
- Bảo hiểm xã hội	-	722.259.464
- Bảo hiểm y tế	-	127.046.700
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	56.465.200
- Phải trả về cổ phần hoá	3.107.950.385	2.705.251.933
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.000.000	8.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.084.980.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.885.241.160	5.610.653.024
+ <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi điều chỉnh giảm do không đủ điều kiện</i>	-	2.867.242.478
+ <i>Giá trị thanh lý tài sản không đưa vào giá trị doanh nghiệp Cổ phần hóa</i>	967.597.727	967.597.727
+ <i>Các đối tượng khác</i>	917.643.433	1.775.812.819
b) Dài hạn	-	-
Cộng	6.112.641.855	9.255.898.830

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	53.443.451.436	-	-	53.443.451.436
Lãi trong năm nay	-	-	3.157.758.671	3.157.758.671
Phân phối lợi nhuận	-	157.887.934	(1.242.867.934)	(1.084.980.000)
Số dư cuối năm nay	53.443.451.436	157.887.934	1.914.890.737	55.516.230.107

Tạm phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.157.758.671
Trích quỹ bổ sung dự trữ vốn điều lệ	5	157.887.934
Chi trả cổ tức (tương ứng 2% Vốn điều lệ)	34,36	1.084.980.000

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn thực góp		Vốn theo Giấy chứng nhận đăng ký DN	
	31/12/2015 VND	Tỷ lệ %	31/12/2015 VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của các cổ đông khác:				
- Vốn góp của Nhà nước	49.306.451.436	92,26	50.112.000.000	92,37
- Các cổ đông khác	4.137.000.000	7,74	4.137.000.000	7,63
Cộng	53.443.451.436	100	54.249.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 03/7/2015 đến ngày 31/12/2015
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu năm	53.443.451.436
+ Vốn góp tăng trong năm	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-
+ Vốn góp cuối năm	53.443.451.436
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.084.980.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

d. Cổ phiếu

	<u>31/12/2015</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.424.900
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.344.345
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.344.345
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.344.345
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.344.345
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ ngày 03/7/2015 đến ngày 31/12/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 02/07/2015</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	55.509.239.978	43.800.539.233
Cộng	<u>55.509.239.978</u>	<u>43.800.539.233</u>

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ ngày 03/7/2015 đến ngày 31/12/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 02/07/2015</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	44.887.625.775	35.349.235.711
Cộng	<u>44.887.625.775</u>	<u>35.349.235.711</u>

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Từ ngày 03/7/2015 đến ngày 31/12/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 02/07/2015</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	374.121.113	271.555.411
Cộng	<u>374.121.113</u>	<u>271.555.411</u>

04. Thu nhập khác

	<u>Từ ngày 03/7/2015 đến ngày 31/12/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 02/07/2015</u>
- Tiền thuê đất được giảm	104.884.553	-
- Các khoản khác	177.378.190	79.712.757
Cộng	<u>282.262.743</u>	<u>79.712.757</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠSố 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Chi phí khác

	Từ ngày 03/7/2015 đến ngày 31/12/2015	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 02/07/2015
- Các khoản bị phạt chậm nộp	11.592.606	-
- Các khoản khác	152.000.000	211.794.630
Cộng	163.592.606	211.794.630

06. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 03/7/2015 đến ngày 31/12/2015	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 02/07/2015
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	7.019.855.396	7.329.977.926
- Chi phí nhân viên quản lý	2.786.439.998	2.807.665.449
- Chi phí vật liệu quản lý	110.000	27.733.312
- Chi phí đồ dùng văn phòng	106.746.545	92.790.998
- Chi phí khấu hao TSCĐ	183.149.916	114.513.552
- Thuế, phí và lệ phí	109.093.600	210.687.584
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	901.340.254	465.477.116
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.932.975.083	3.611.109.915
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	-	-
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	7.019.855.396	7.329.977.926

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 03/7/2015 đến ngày 31/12/2015	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 02/07/2015
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	936.791.386	317.214.146
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	936.791.386	317.214.146

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 03/7/2015 đến ngày 31/12/2015
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.157.758.671
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.157.758.671
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.344.345
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	591

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ ngày 03/7/2015 đến ngày 31/12/2015
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.157.758.671
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.157.758.671
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.344.345
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	591

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 03/7/2015 đến ngày 31/12/2015
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.968.439.672
- Chi phí nhân công	22.436.868.939
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.987.229.432
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.042.068.989
- Chi phí khác bằng tiền	4.472.874.139
Cộng	51.907.481.171

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Giao dịch với các bên liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ ngày 03/7/2015 đến ngày 31/12/2015
Tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng	840.000.000
Cộng	840.000.000

02. Thông tin về bộ phận

- Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.
- Công ty chỉ có một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ đô thị.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

04. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
31/12/2015				
Phải trả cho người bán	5.628.133.449	-	-	5.628.133.449
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	4.022.391.150	-	-	4.022.391.150
Các khoản phải trả khác	1.885.241.160	-	-	1.885.241.160
Cộng	11.535.765.759	-	-	11.535.765.759
03/7/2015				
Phải trả cho người bán	5.121.556.147	-	-	5.121.556.147
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	273.833.849	-	-	273.833.849
Các khoản phải trả khác	5.610.653.024	-	-	5.610.653.024
Cộng	11.006.043.020	-	-	11.006.043.020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

05. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

06. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và kết thúc tại ngày 02 tháng 7 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số nội dung được trình bày lại cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Nội dung	Số dư tại 02/7/2015 (VND)	Chỉ tiêu đã trình bày trên BCTC tại ngày 02/7/2015		Chỉ tiêu trình bày trên BCTC tại ngày 02/7/2015	
			Tên chỉ tiêu	Mã số	Tên chỉ tiêu	Mã số
1	Tạm ứng	822.437.600	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
2	Nhận ký cược	8.000.000	Phải trả dài hạn khác	333	Phải trả ngắn hạn khác	319

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Trần Thanh Phong



CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số... 2570... quyển số... UBND/ SCT

Tân An, ngày... 07 tháng... năm 20... 16

TM. UBND PHƯỜNG

CHỦ TỊCH



Nguyễn Y Mơ